TÒA ÁNNHÂN DÂN **HUYỆN THƯỜNG TÍN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/KDTM-ST
Ngày 23 tháng 01 năm 2018
V/v:Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁNNHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Bôi và ông Nguyễn Thanh Nhàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Hà Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

- Đại diện VKSND huyện Thường Tín tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang- Kiểm sátviên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Tín xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 02/2017/TLST-KDTM ngày 26/10/2017 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-KDTM ngày 05/01/2018 giữa các đươngsự:

1. ***Nguyên đơn***: Công ty TNHH HV

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tiên Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lee Taek K – Chức vụ: Tổng giám đốc (Vắng mặt).

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Tiến Q và bà Vũ Thị N (theo Giấy ủy quyền số 18/UQTT/2015 ngày 03 tháng 7 năm 2015).

(Bà Vũ Thị N có mặt)

2. ***Bị đơn***: Công ty TNHH NX

Địa chỉ công ty: Xã D, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

Người đại diện: Bà Phạm Thị X – Chức vụ: Giám đốc (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 03/7/2015, các bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện công ty TNHH HV trình bày: Công ty TNHH *HV* có xuất bán cho Công ty TNHH NX 62.675kg sản phẩm hợp chất hạt nhựa bọc dây cáp điện trong năm 2013, việc mua bán này được thể hiện rõ ràng trong các Biên bản giao hàng kiêm phiếu xuất kho có chữ ký của đại diện bên mua hàng và bên bán hàng. Trên cơ sở các biên bản giao nhận hàng kiêm phiếu xuất kho thì Công ty TNHH *HV* đã xuất hàng đầy đủ, đúng chất lượng, chủng loại và xuất đầy đủ Hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH NX. Tổng khối lượng sản phẩm hợp chất hạt nhựa bọc dây cáp điện Công ty TNHH *HV* đã xuất bán cho Công ty TNHH NX là 62.675kg, tương đương với tổng số tiền hàng theo Hóa đơn GTGT là: 1.774.011.250 đồng. Công ty TNHH NX đã thanh toán cho Công ty TNHH HV những khoản như sau: Ngày 09/04/2013 thanh toán 400.000.000 đồng (trong đó số tiền 77.969.750 đồng là để thanh toán tiền mua hàng mà Công ty TNHH NX còn nợ Công ty TNHH HV trước đó); Ngày 10/07/2013 thanh toán 450.000.000 đồng; Ngày 16/10/2014 thanh toán 100.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền Công ty TNHH NX đã thanh toán cho Công ty TNHH HV là 872.030.250 đồng. Trong quá trình mua bán hàng hóa Công ty TNHH HV và Công ty TNHH NX thường xuyên ký văn bản xác nhận số dư nợ, theo văn bản xác nhận số dư nợ đề ngày 10/01/2015 thì tính đến hết ngày 31/12/2014 Công ty TNHH NX còn nợ Công ty TNHH HV số tiền là: 901.981.000 đồng. Từ khi ký kết văn bản xác nhận công nợ ngày 10/01/2015 đến nay, Công ty TNHH NX chưa thanh toán thêm bất kỳ một khoản tiền nào cho Công ty TNHH HV. Công ty TNHH HV đã rất nhiều lần gửi văn bản và cho người đến làm việc yêu cầu Công ty TNHH NX thanh toán dứt điểm số tiền nợ còn lại nhưng không được trả.

Công ty TNHH HV yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH NX phải thanh toán cho công ty TNHH HV các khoản gồm: Số tiền gốc chưa thanh toán: 901.981.000 đồng. Số tiền lãi chậm thanh toán tạm tính từ ngày 01/11/2013 đến ngày 30/06/2015 là

215.920.725 đồng (Bắt đầu tính lãi từ sau ngày Công ty TNHH NX có công văn số 01/NX về việc xin gia hạn nợ ngày 30/10/2013). Tổng số tiền lãi tính đến ngày 23/01/2018 là 527.743.156 đồng. Căn cứ và cách tính lãi xác định như Bảng tính lãi gửi Hội đồng xét xử.

Tại các lời khai và tại phiên tòa, đại diện Công ty TNHH NX trình bày: Việc mua bán hàng hóa giữa Công ty TNHH NX với Công ty TNHH HV là có thật. Công ty TNHH NX có mua 62.675kg các loại sản phẩm hợp chất hạt nhựa bọc dây cáp điện, tương đương với tổng số tiền hàng theo hóa đơn GTGT là 1.774.011.250 đồng. Phía công ty TNHH NX thừa nhận còn nợ Công ty TNHH HV số tiền mua hàng chưa trả là 901.981.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 215.920.725 đồng (tính từ ngày 01/11/2013 đến ngày 30/6/2015). Vì hiện nay công ty TNHH NX đang gặp nhiều khó khăn về tài chính cho nên chưa thể thanh toán được hết số tiền nợ trên, sang năm 2018, công ty đi vào sản xuất ổn định sẽ thu xếp trả hết khoản nợ. Đề nghị Công ty TNHH HV không tính thêm bất kỳ khoản lãi nào nữa để công ty TNHH NX yên tâm sản xuất kinh doanh thu xếp trả nợ sớm nhất có thể.

Đại diện VKSND huyện Thường Tín phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa, đại diện nguyên đơn và đại diện bị đơn đã tuân thủ và chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về số tiền nợ gốc: Công ty TNHH NX thừa nhận còn nợ Công ty TNHH HV số tiền mua hàng là 901.981.000 đồng . Do đó yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả số tiền mua hàng chưa trả là 901.981.000 đồng được chấp nhận.

[2] Về tiền lãi do chậm thanh toán:

Nguyên đơn đòi bị đơn trả số tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất là 13,5%, tính từ ngày 01/11/2013 đến ngày 16/10/2013 đối với số nợ gốc là 1.001.981.000 đồng, từ ngày 16/10/2013 đến ngày 23/01/2018 đối với số nợ gốc là

901.981.000 đồng. Tổng số tiền lãi chậm thanh toán nguyên đơn yêu cầu là 527.743.156 đồng.

Công ty TNHH NX đồng ý trả Công ty TNHH HV số tiền lãi chậm thanh toán, từ ngày 01/11/2013 đến ngày 30/6/2015 là 215.920.725 đồng, đã được tính theo mức lãi suất 13,5%/năm. Đối với số lãi sau ngày 30/6/2015, bị đơn không đồng ý trả do gặp khó khăn trong kinh doanh.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên đơn và bị đơn đều xác định ngày bắt đầu tính lãi chậm thanh toán là từ ngày 01/11/2013. Đến ngày 23/01/2018 Công ty TNHH NX vẫn chưa trả nợ cho Công ty TNHH HV. Do đó yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn phải trả lãi suất do chậm thanh toán từ ngày 01/11/2013 đến ngày 23/01/2018 là phù hợp pháp luật.

Theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại và theo Án lệ số 09/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao thì đối với các tranh chấp kinh doanh thương mại, Tòa án cần lấy mức lãi suất quá hạn trung bình của ít nhất ba ngân hàng tại địa phương để tính tiền lãi do chậm thanh toán cho đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào các quy định trên, Tòa án nhân dân huyện Thường Tín đã thu thập lãi suất nợ quá hạn của các ngân hàng gồm Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) - Chi nhánh huyện Thường Tín Hà Nội II, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) –Chi nhánh huyện Thường Tín và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) –Phòng giao dịch Thường Tín, để tính lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường. Các ngân hàng trên cung cấp lãi suất như sau: Lãi suất nợ quá hạn của Agribank Thường Tín bằng 120% lãi suất cho vay trong hạn (từ 8.5% đến 10%/năm) nên HĐXX tính mức lãi suất nợ quá hạn của Agribank = 120% x {(8.5%/năm + 10%/năm) : 2} = 11,1%/năm. Lãi suất nợ quá hạn của Techcombank bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn (11,36%/năm) = 150% x 11,36%/năm = 17,04%/năm. Lãi suất nợ quá hạn của Sacombank bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn (9,5%/năm) = 150% x 9,5% = 14,25%/năm. Từ đó xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường =

(Lãi suất nợ quá hạn của Agribank + Lãi suất nợ quá hạn của Techcombank + Lãi suất nợ quá hạn của Sacombank) : 3 = (11,1%/năm + 17,04%/năm + 14,25%/năm) : 3 = 14,13%/năm *(làm tròn số)*.

Trong vụ án này, nguyên đơn đưa ra mức lãi suất chậm trả là 9,0% x 150% = 13,5%/năm. Mức lãi suất mà nguyên đơn đưa ra thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn bình quân của các ngân hàng thương mại, hơn nữa phía bị đơn cũng đã chấp nhận số tiền lãi chậm trả từ ngày 01/11/2013 đến ngày 30/6/2015 là 215.920.725 đồng, được tính theo mức lãi suất 13,5%/năm. Như vậy, mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu là hợp lý và có căn cứ, có lợi hơn cho bị đơn . Do đó, yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả số tiền lãi chậm trả là 527.743.156 đồng được chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn không thỏa thuận được với nhau về số tiền này. Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp pháp luật. Căn cứ vào các điều 357, 468 của Bộ luật dân sự thì Công ty TNHH NX còn phải trả cho Công ty TNHH HV khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất là 10%/năm.

[4] Về án phí: Công ty TNHH NX phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tính trên số tiền phải trả. Công ty TNHH HV được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 24, 50, 306 của Luật thương mại; các điều 357, 440, 468, của Bộ luật dân sự; các điều 147, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH NX trả Công ty TNHH HV tổng số tiền là 1.429.724.156 *(một tỷ bốn trăm hai mươi chín triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn một trăm năm mươi sáu)* đồng, trong đó tiền gốc là

901.981.000 đồng, tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 01/11/2013 đến hết ngày 23/01/2018 là 527.743.156 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất 10%/năm, đối với số tiền chưa thi hành án, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Công ty TNHH NX phải chịu số tiền 54.891.724 *(năm mươi tư triệu tám trăm chín mươi mốt nghìn bảy trăm hai mươi tư)* đồng án phí sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp kinh doanh thương mại.

Trả lại Công ty TNHH HV số tiền 19.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp (theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AB/2015/0006601 ngày 26 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Tín).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện KSND huyện Thường Tín;
- Chi cục THADS huyện Thường Tín;
- Lưu hồ sơ, Vp…

THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Anh Tuấn